

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

**Tổ chức công tác kế toán trong các công ty chứng khoán
Việt Nam**

Nguyễn Mạnh Thiều

Chuyên ngành: *Kế toán*

Mã số: *62.34.30.01*

Họ và tên cán bộ hướng dẫn khoa học:

1- Hướng dẫn 1: **GS.TS. Ngô Thế Chi**

2- Hướng dẫn 2: **TS. Tôn Tích Quý**

Chương 1

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

1.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

1.1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của công ty chứng khoán

Nền kinh tế - xã hội không ngừng phát triển đặt ra nhu cầu về tích lũy trong xã hội không ngừng tăng lên và ngày càng quan trọng, phong phú và đa dạng. Trong xã hội xuất hiện người cần vốn cho mục đích tiêu dùng hay đầu tư, đồng thời cũng có người khác có vốn nhàn rỗi muốn đầu tư thu lợi nhuận (cho vay để lấy lãi, đầu tư khác,...). Ban đầu, những người này thường trực tiếp tìm gặp nhau dựa trên quan hệ quen biết cá nhân để giải quyết các nhu cầu về vốn. Tuy nhiên, phương cách này chỉ phù hợp với qui mô nhỏ, khi cung và cầu vốn không ngừng tăng về qui mô và đa dạng về hình thức thì hình thức vay và cho vay trực tiếp dựa trên quan hệ cá nhân sẽ không đáp ứng được nhu cầu nữa, thực tế khách quan đòi hỏi phải có một thị trường để cung và cầu vốn gặp nhau, đáp ứng các nhu cầu tài chính của nhau, thị trường đó chính là thị trường tài chính.

Trong lịch sử phát triển thị trường tài chính, thị trường tiền tệ được hình thành trước do ban đầu nhu cầu vốn cũng như tiết kiệm trong dân cư chưa cao và nhu cầu về vốn chủ yếu là vay ngắn hạn. Sau đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, sự phát triển của các hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến nhu cầu về vốn dài hạn cho đầu tư phát triển ngày càng cao và thị trường vốn ra đời để đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn của nền kinh tế. Để huy động được các nguồn vốn dài hạn, bên cạnh việc đi vay ngân hàng thông qua hình thức tài chính gián tiếp, Chính phủ và một số công ty còn thực hiện huy động thông qua phát hành các loại chứng khoán. Khi các chứng khoán có giá được phát hành thì tất yếu sẽ nảy sinh nhu cầu về mua, bán, trao đổi. Chính vì vậy, TTCK ra đời với tư cách là một bộ phận của thị trường vốn nhằm đáp ứng nhu cầu mua, bán, trao đổi các loại chứng khoán đó. Cũng như các thị trường khác, lúc đầu những người mua và người bán chứng khoán là các cá nhân sở hữu chứng khoán; họ tiến hành mua, bán trực tiếp với nhau không qua một bên trung gian nào. Khi thị trường càng phát triển, khối lượng vốn luân chuyển ngày càng lớn; những người mua, bán chứng khoán đông đảo hơn và mỗi cá nhân

tham gia sở hữu khối lượng chứng khoán lớn, đa dạng với mỗi lần thanh toán có lượng tiền rất lớn. Vì vậy, cần thiết phải có những người trung gian giúp họ thực hiện mua, bán chứng khoán được thuận lợi và an toàn - những người này là những nhà môi giới mua bán chứng khoán giữa người cần mua và người cần bán. Tuy nhiên, thời kỳ sơ khai thì những nhà môi giới chứng khoán hoạt động đơn lẻ chưa có tổ chức rõ nét về môi giới chứng khoán, chưa có những đảm bảo tin cậy đối với người mua bán chứng khoán; do đó, để nâng cao tính chuyên nghiệp, độ uy tín, độ tin cậy về sự an toàn của các nhà đầu tư trong vai trò trung gian - những nhà môi giới tổ chức thành lập các công ty gọi là công ty môi giới chứng khoán.

Ở giai đoạn TTCK mới hoạt động, các nhà đầu tư chủ yếu là những người mua bán chứng khoán đơn lẻ bằng nguồn vốn nhàn rỗi để hưởng chênh lệch giá. Khi TTCK ổn định và phát triển, nhà đầu tư tham gia KDCK ngày càng đông đảo; phong phú về hình thức, đa dạng về chủng loại chứng khoán và có sự cạnh tranh mạnh mẽ thì họ cũng thành lập ra các công ty kinh doanh chứng khoán.

Trong quá trình hoạt động, các công ty môi giới chứng khoán và công ty KDCK không chỉ dừng lại ở hoạt động ban đầu mà có sự đan xen và phát triển các nghiệp vụ khác trên TTCK như nghiệp vụ bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; do đó, một loại hình công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán xuất hiện đó chính là CTCK - một tổ chức tài chính trung gian được thành lập theo pháp luật và thực hiện một hoặc một số hoạt động KDCK trên TTCK.

Quá trình phát triển của CTCK trên thế giới có thể nói bắt đầu từ những năm cuối thế kỷ 17 sang đến thế kỷ 18, 19 trong bối cảnh phát triển nở rộ các công ty cổ phần ở các nước tư bản chủ nghĩa Châu Âu đã dẫn đến nhu cầu phát hành ồ ạt các loại cổ phiếu của các công ty cổ phần. Khi đó, các công ty cổ phần đều phát hành cổ phiếu qua các CTCK hoặc Ngân hàng đầu tư để bán cho các nhà buôn, các nhà đầu tư KDCK. Như vậy, các CTCK đảm nhận việc phân phối chứng khoán của các công ty cổ phần và thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan tới phát hành chứng khoán, từ đó hình thành nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Đến thế kỷ 20 chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn lũng đoạn ở Châu Âu, Mỹ và sau đó là Châu Á. Trong giai đoạn này, các CTCK phát triển mạnh cả về qui mô và chất lượng dịch vụ; phát triển cả số lượng nghiệp vụ kinh doanh và tính chuyên nghiệp cao trong hoạt động kinh doanh; qua đó thu hút được đông đảo các nhà đầu tư tham gia KDCK.

Ở mỗi quốc gia, TTCK và CTCK được hình thành và phát triển với những mức độ khác nhau, nhưng với xu hướng toàn cầu hoá và quốc tế hoá nền kinh tế thì TTCK phát triển không chỉ giới hạn phạm vi trong nước mà đã có sự liên kết, kết nối giữa các TTCK khu vực cũng như trên thế giới. Điều đó dẫn đến hoạt động kinh doanh của các CTCK cũng có điều kiện mở rộng và phát triển ra phạm vi quốc tế. Các CTCK đẩy mạnh thành lập các chi nhánh ở nước ngoài nhằm tăng cường hoạt động kinh doanh, tăng doanh thu mua bán chứng khoán cũng như các dịch vụ khác. Tuy nhiên, nhằm hạn chế sự thôn tính cũng như bảo hộ cho các CTCK trong nước các quốc gia đều qui định thời hạn và điều kiện để CTCK nước ngoài được hoạt động trên TTCK nước mình như Hàn Quốc đến năm 1991 CTCK nước ngoài được phép mở chi nhánh, thành lập liên doanh hoạt động trên TTCK; Nhật Bản thì những năm 1985 đã thực hiện tự do hoá quốc tế và các CTCK nước ngoài được phép tham gia vào TTCK của Nhật.

Hiện nay, những năm đầu của thế kỷ 21 cùng với sự phát triển kinh tế tri thức theo xu hướng quốc tế hoá và ở đó không chỉ các nền kinh tế thị trường phát triển mà còn cả các nền kinh tế đang phát triển đã phát triển rộng rãi các thị trường vốn, thị trường tiền tệ và TTCK nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cho nền kinh tế. Cùng với nó số lượng các CTCK ngày càng nhiều, phạm vi và tính chất hoạt động của CTCK ngày càng mở rộng, phát triển đa dạng, đa năng, tính cạnh tranh cao và tất yếu sẽ dẫn đến tình trạng phá sản hoặc hợp nhất hoặc sáp nhập hoặc chia tách. Do đó, nhằm đảm bảo tính an toàn đối với TTCK; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư; đảm bảo tính công bằng, khách quan trong hoạt động KDCK giữa các CTCK mỗi nước phải qui định trong Luật Chứng khoán về các điều kiện pháp lý; điều kiện kinh tế; qui định các cơ quan chuyên ngành thanh tra, giám sát và quản lý chặt chẽ các CTCK.

Như vậy, có thể đánh giá sự ra đời của CTCK là tất yếu khách quan của sự phát triển kinh tế thị trường cùng với sự hình thành và phát triển của TTCK. Quá trình phát triển của CTCK phù hợp với sự phát triển, chuyển đổi của nền kinh tế trong từng giai đoạn của từng nước, từng khu vực và trên toàn thế giới; nhưng CTCK luôn giữ vai trò là nhân tố quan trọng, trung tâm thực hiện các nghiệp vụ về KDCK; làm trung gian trong giao dịch thông qua SGDCK, nhằm dẫn vốn từ người có vốn nhàn rỗi đến người cần vốn cho đầu tư phát triển, góp phần ổn định và phát triển TTCK; thúc đẩy nền kinh tế mỗi nước phát triển và tăng trưởng bền vững.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của công ty chứng khoán

Trong nền kinh tế thị trường sự hình thành và phát triển của TTCK và CTCK là tất yếu khách quan, song để hiểu được bản chất CTCK là cái gì? Như thế nào? Có nhiều quan điểm đánh giá, nhận xét đứng trên những góc độ khác nhau để xem xét và vì vậy khái niệm về CTCK có thể tiếp cận với những góc độ khác nhau.

Theo giáo trình TTCK, trường Đại học KTQD thì *"CTCK là một định chế tài chính trung gian thực hiện các nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán"* [38].

Theo giáo trình TTCK, trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh thì *"CTCK là một định chế tài chính trung gian chuyên kinh doanh chứng khoán là đơn vị có tư cách pháp nhân, có vốn riêng và hạch toán độc lập"* [49].

Theo quyết định số 04/1998/QĐ-UBCK3 ngày 13/10/1998 của UBCKNN thì *"CTCK là công ty cổ phần hoặc công ty TNHH thành lập hợp pháp tại Việt Nam, được UBCKNN cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số các loại hình kinh doanh chứng khoán"* [50].

Theo quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007 của Bộ trưởng BTC thì *"CTCK là tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động kinh doanh chứng khoán, bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán"* [8].

Theo giáo trình kinh doanh chứng khoán, Học viện Tài chính thì *"CTCK là tổ chức hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán thông qua việc thực hiện một hoặc vài dịch vụ chứng khoán với mục đích tìm kiếm lợi nhuận"*[36].

Theo giáo trình TTCK, Học viện Tài chính thì *"CTCK là một loại hình định chế trung gian đặc biệt trên thị trường chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán như ngành nghề kinh doanh chính"* [34].

Như vậy, CTCK là một tổ chức tài chính trung gian được thành lập theo pháp luật; thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động trên TTCK. Một cách khái quát có thể hiểu CTCK là một loại hình doanh nghiệp tài chính hoạt động kinh doanh trên TTCK theo qui định của pháp luật. CTCK hoạt động kinh doanh trên TTCK - một thị trường rất nhạy cảm, có nhiều rủi ro và sức ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế. Vì vậy, CTCK thuộc loại hình kinh doanh có điều kiện và đây chính là những điểm khác biệt giữa hoạt động của CTCK với hoạt động của các loại hình doanh nghiệp khác, cụ thể như sau:

Một là, đặc điểm về vốn. CTCK được thành lập phải đáp ứng điều kiện về mức vốn pháp định theo qui định, đây là đặc điểm khác với các công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ thông thường. Ở mỗi quốc gia có qui định về mức vốn pháp định khác nhau, có thể qui định chung cho một CTCK khi đăng ký thành lập không kể công ty thực hiện một hay hai hay tất cả các nghiệp vụ kinh doanh theo qui định của pháp luật. Hàn Quốc qui định mức vốn tối thiểu của một CTCK là 50 tỷ Won; hoặc có thể qui định mức vốn pháp định cho từng loại nghiệp vụ kinh doanh cụ thể như ở Việt Nam theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mức vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh của CTCK, CTCK có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh CTCK nước ngoài tại Việt Nam là: Môi giới chứng khoán 25 tỷ đồng Việt Nam; Tự doanh chứng khoán 100 tỷ đồng Việt Nam; Bảo lãnh phát hành chứng khoán 165 tỷ đồng Việt Nam; Tư vấn đầu tư chứng khoán 10 tỷ đồng Việt Nam [40].

Đây là đặc điểm quan trọng nhất quyết định CTCK được phép hoạt động hoặc được thực hiện nghiệp vụ kinh doanh nào, đồng thời cũng nhằm đảm bảo mục tiêu bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư trên TTCK. Ngoài ra, đặc điểm về vốn còn ảnh hưởng đến công tác quản lý chung và tổ chức hạch toán kế toán trong việc tổ chức huy động, quản lý và sử dụng vốn, đảm bảo hoạt động của CTCK phù hợp với qui định của pháp luật.

Hai là, đặc điểm về nhân sự và đội ngũ lãnh đạo. CTCK hoạt động trong lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, có độ rủi ro cao, có mức độ ảnh hưởng lớn tới đời sống kinh tế - xã hội của đất nước nên đòi hỏi nhân viên CTCK phải có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, TTCK và có tư cách đạo đức nghề nghiệp tốt, có chứng chỉ hành nghề do cơ quan có thẩm quyền cấp. Đối với đội ngũ Lãnh đạo các bộ phận cần kiến thức chuyên môn sâu, có trình độ quản lý, đạo đức nghề nghiệp; đặc biệt với Lãnh đạo CTCK cần phải có tầm nhìn chiến lược, chứng chỉ hành nghề và giấy phép đại diện do cơ quan có thẩm quyền cấp; có trình độ học vấn và kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh cao. Đặc điểm này có tích chất quyết định đến chất lượng hoạt động kinh doanh, quyết định đến uy tín và danh tiếng của CTCK trên TTCK và trong đời sống kinh tế xã hội. Đặc điểm này ảnh hưởng sâu sắc đến tổ chức bộ máy của CTCK, nhất là tổ chức bộ máy kế toán trong việc tổ chức tuyển dụng, lựa chọn và bố trí nhân viên kế toán vào các vị trí trong bộ máy kế toán; trong từng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh nhằm đảm bảo hiệu quả của công tác quản lý cũng như công tác hạch toán kế toán trong CTCK.

Ba là, đặc điểm về cơ sở vật chất. Mọi doanh nghiệp khi thành lập và tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải có những cơ sở vật chất nhất định, tuy nhiên đối với CTCK phải đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất nghiêm ngặt phù hợp với nghiệp vụ KDCK. Xuất phát từ đặc điểm của hoạt động KDCK, cơ sở vật chất của CTCK cần phải có như: Sàn giao dịch (Phòng giao dịch), đảm bảo thuận tiện cho các nhà đầu tư thực hiện giao dịch mua bán chứng khoán, thuận lợi để tra cứu tiếp nhận thông tin TTCK và các thông tin cần thiết khác. CTCK phải trang bị hệ thống thiết bị công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu truyền lệnh của nhà đầu tư, thông báo kết quả giao dịch kịp thời, nhà đầu tư thuận lợi kiểm tra giám sát số dư và sự biến động của tài khoản,...; đảm bảo an toàn tuyệt đối lượng chứng khoán nắm giữ của các nhà đầu tư. Đặc điểm này không những đảm bảo điều kiện để các nhà đầu tư thu thập thông tin, thực hiện đầu tư mà còn thể hiện bề thế, qui mô của CTCK; niềm tin của khách hàng khi đến thực hiện đầu tư. Về mặt quản lý và tổ chức thì đặc điểm này có ảnh hưởng đáng kể đến tổ chức kế toán của CTCK từ khâu bắt đầu hình thành cơ sở vật chất như giá thành hoặc chi phí để có những cơ sở vật chất đó; quản lý, sử dụng và phân bổ từng kỳ vào chi phí kinh doanh để xác định hiệu quả sử dụng và kết quả kinh doanh từng loại nghiệp vụ kinh doanh của công ty.

Bốn là, đặc điểm về xung đột lợi ích giữa nhà đầu tư và CTCK. Các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ bao giờ cũng có mối liên hệ với khách hàng và lợi ích của khách hàng gắn liền với lợi ích của doanh nghiệp mà không xảy ra mâu thuẫn hay xung đột về lợi ích. Tuy nhiên, đối với CTCK khi thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, cung cấp các dịch vụ cho khách hàng hay các nhà đầu tư có thể xảy ra mâu thuẫn về lợi ích nếu CTCK không thực hiện nghiêm ngặt các qui định về qui trình, nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp. Những nghiệp vụ kinh doanh thường xảy ra xung đột lợi ích giữa CTCK với các nhà đầu tư là nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán; vì vậy, đặc điểm về xung đột lợi ích tạo ra sự khác biệt trong hoạt động kinh doanh của CTCK với các loại hoạt động kinh doanh khác.

Đây là đặc điểm đặc thù hoạt động kinh doanh của CTCK nhất là trong điều kiện TTCK mới đi vào hoạt động, sự hiểu biết về lĩnh vực KDCK của nhà đầu tư còn hạn chế, sự quản lý của các nhà quản trị CTCK còn lỏng lẻo, các định chế qui định về nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp còn chưa được tôn trọng thì đặc điểm này

càng phải được đề cao nhằm hạn chế xảy ra xung đột lợi ích giữa CTCK với khách hàng, các nhà đầu tư. CTCK cần phải thật khách quan, đạt kỳ vọng tuyển chọn được những nhân viên có năng lực, tính chủ động sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp tốt; có trình độ chuyên môn và quản lý phù hợp; công ty phải xây dựng và thực hiện kiểm soát nội bộ chặt chẽ và phải qui trách nhiệm cá nhân trong xử lý nghiệp vụ chuyên môn, quản lý. Đây là những vấn đề rất phức tạp, tổng hợp nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội, đạo đức, nghề nghiệp, uy tín, trách nhiệm, nghĩa vụ và nhiều nhân tố khác liên quan đến con người và lợi ích (công ty và cá nhân); do đó, chìa khoá là ở người Lãnh đạo công ty. Riêng về tổ chức công tác kế toán của CTCK thì đặc điểm này có ảnh hưởng đến toàn bộ các nội dung của tổ chức công tác kế toán, bởi vì để hạn chế xảy ra xung đột về lợi ích giữa các nhà đầu tư với CTCK hoặc với các nhà đầu tư khác thì từ nội dung tổ chức hệ thống chứng từ; tổ chức các tài khoản phản ánh tài sản của nhà đầu tư và của công ty; tổ chức hệ thống sổ kế toán chi tiết; tổ chức các báo cáo kế toán; tổ chức bộ phận nhân viên kế toán thực hiện đến tổ chức công tác kiểm tra kế toán đều phải được tổ chức chặt chẽ, riêng biệt và rõ ràng. Trong từng nội dung của tổ chức công tác kế toán đều phải ghi chép, phản ánh, tổng hợp một cách riêng biệt về tài sản và chứng khoán của từng nhà đầu tư và của CTCK; phải thường xuyên có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận liên quan đến hoạt động kinh doanh và công tác bảo mật giữa các bộ phận phải an toàn tuyệt đối.

1.1.3. Mô hình và vai trò của công ty chứng khoán

1.1.3.1. Mô hình công ty chứng khoán

Các tổ chức, cá nhân để được cấp giấy chứng nhận KDCK phải lập và nộp đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận KDCK theo qui định của pháp luật. UBCKNN xem xét, kiểm tra hồ sơ và cấp giấy phép KDCK trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có đủ hồ sơ hợp lệ và công ty phải hoàn tất việc nộp lệ phí cấp giấy phép kinh doanh theo qui định tại Điều 65 của Luật Chứng khoán [40]. Khi được cấp giấy phép KDCK công ty phải tiến hành công khai hóa hoạt động thông qua việc công bố thành lập trên phương tiện thông tin của UBCKNN và các phương tiện thông tin đại chúng theo qui định Điều 66 của Luật Chứng khoán [40].

CTCK hoạt động và thực hiện các nghiệp vụ về KDCK với tính chất đa dạng, phong phú và phức tạp; nó đồng thời liên quan đến lợi ích của công ty, nhà đầu tư và nhà nước. Vì vậy, KDCK là nghề kinh doanh đặc biệt có phạm vi rộng và

mức độ ảnh hưởng đến toàn xã hội; có rủi ro kinh doanh cao. Do vậy, pháp luật các quốc gia đều qui định rất chặt chẽ về mô hình hoạt động của CTCK tùy thuộc vào điều kiện của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, trên thế giới tồn tại phổ biến ba mô hình về CTCK căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chủ sở hữu chi phối CTCK.

*** Mô hình công ty chứng khoán chuyên doanh**

CTCK chuyên doanh là những công ty độc lập được thành lập theo qui định của pháp luật, chuyên môn hoá trong lĩnh vực KDCK. Công ty đảm nhiệm một, một số hoặc toàn bộ các nghiệp vụ KDCK trên TTCK. Về nguồn tài chính của các công ty theo mô hình này chủ yếu do chủ sở hữu đóng góp như: Phát hành cổ phiếu, trái phiếu; vốn góp của các thành viên tham gia thành lập công ty,... Ngoài ra, công ty còn huy động từ nguồn vốn vay ngân hàng và các tổ chức, nguồn vốn liên doanh; liên kết,... Mô hình này được áp dụng ở nhiều các nước như: Mỹ, Nhật bản, Hàn Quốc, Việt Nam,... và có những ưu, nhược điểm cơ bản sau:

Một là: Tự chủ trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

CTCK chuyên doanh hoàn toàn độc lập hoạt động mà không cơ quan chủ quản nào chi phối cả về tổ chức nhân sự cũng như chiến lược hoạt động kinh doanh. Từ đó phát huy được khả năng chủ động, sáng tạo, nhạy bén trong kinh doanh và tổ chức kinh doanh linh hoạt phù hợp với hoạt động của TTCK, nền kinh tế thị trường.

Hai là: Hạn chế rủi ro cho hệ thống ngân hàng, tổ chức tài chính.

CTCK chuyên doanh được thành lập theo qui định của pháp luật và hoạt động độc lập trên cơ sở vốn của công ty để thực thi các nghiệp vụ KDCK. Các ngân hàng, tổ chức tài chính không bị chi phối vốn vào lĩnh vực KDCK (đặc biệt là hệ thống ngân hàng) mà chỉ tham gia thị trường với tư cách là khách hàng. Do đó, hạn chế đầu tư của ngân hàng, tổ chức tài chính vào lĩnh vực chứng khoán có rủi ro, đồng thời giảm được rủi ro cho hệ thống ngân hàng, tổ chức tài chính trong nền kinh tế.

Ba là: Hạn chế đầu tư vốn nhà nước vào KDCK của các Tổng công ty.

Các Tổng công ty nhà nước, Tập đoàn giữ vai trò quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước như: Điều tiết nền kinh tế, bình ổn giá cả,... CTCK chuyên doanh không thuộc Tổng công ty, Tập đoàn nhà nước; vốn kinh doanh chủ yếu là của công ty mẹ, do đó hạn chế có sự chuyển đổi mục đích cũng như sử dụng vốn nhà nước để KDCK, tạo nên sự tách bạch trong quản lý kinh tế tài chính.

Bốn là: Hạn chế tính san bằng rủi ro trong kinh doanh của ngân hàng và các Tổng công ty, Tập đoàn.

Theo mô hình này, các ngân hàng thương mại, Tổng công ty, Tập đoàn nhà nước chỉ thực hiện chức năng sản xuất kinh doanh theo qui định của pháp luật và tham gia TTCK với tư cách là khách hàng mà không đầu tư vốn vào KDCK qua các CTCK thuộc đơn vị quản lý; do đó, khi hoạt động kinh doanh chính bị rủi ro thua lỗ thì không có sự chi phối bù đắp lẫn nhau giữa các lĩnh vực kinh doanh.

Năm là: Hạn chế về vốn, công nghệ, cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn và mạng lưới khách hàng.

Trong giai đoạn đầu hoạt động, các công ty này sử dụng chủ yếu là vốn của bản thân những chủ sở hữu đóng góp mà không có đơn vị chủ quản nào cấp, do đó về một mặt nào đó sẽ hạn chế về vốn kinh doanh. Từ đó dẫn đến việc đầu tư cho công nghệ hiện đại, cơ sở vật chất trong tác nghiệp các nghiệp vụ cũng gặp nhiều khó khăn hơn những công ty có chủ quản là các ngân hàng, Tổng công ty nhà nước.

Về chuyên môn, lĩnh vực KDCK là rất nhạy cảm và phức tạp đòi hỏi cán bộ phải có trình độ cao, có đạo đức tốt để đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư. Các CTCK chuyên doanh phải tuyển mới nhân viên, chưa sẵn có cán bộ trình độ cao, nhiều kinh nghiệm; do đó, trong giai đoạn đầu hoạt động cán bộ nhân viên của những công ty này còn hạn chế nhất định về trình độ chuyên môn cũng như trình độ quản lý.

Về mạng lưới khách hàng, các CTCK chuyên doanh mới được thành lập và chưa có danh tiếng, chưa có mạng lưới khách hàng như các công ty được hình thành từ các ngân hàng và Tổng công ty lớn. Những công ty này phải xây dựng mạng lưới khách hàng ngay từ những khách hàng đầu tiên, do đó cần phải có chiến lược quảng cáo thu hút khách hàng cũng như thực hiện công tác quản trị công ty tốt để tăng cường uy tín bằng chất lượng phục vụ trong quá trình thực thi các nghiệp vụ về KDCK.

*** Mô hình công ty chứng khoán đa năng một phần**

CTCK đa năng được thành lập theo qui định của pháp luật và hoạt động KDCK độc lập với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường đã được thừa nhận - Đó là CTCK đa năng một phần. TTCK ra đời và ngày càng phát triển tạo môi trường thuận lợi để thực hiện các nghiệp vụ KDCK. Khi đó các ngân hàng, tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn muốn KDCK phải thành lập công ty con có